

- Bị đơn: Ông Bùi Quang B, sinh năm 1981 và bà Ngô Thị Thanh L, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Đường T, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H có ký kết hợp đồng tín dụng với ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019:

+ Số tiền vay: 200.000.000 đồng

+ Lãi suất: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019.

+ Thời hạn vay: từ ngày 16/10/2019 đến ngày 16.10.2024.

+ Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình.

- Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/04/2021 thì hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 50 (Thửa 26-B2-8 cũ), tờ bản đồ số 292 (Tờ HH4 cũ), tại địa chỉ: Khu T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 455867 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 27/3/2015, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29625/19MN/HĐBĐ ngày 14/10/2019, đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/04/2021.

Tính đến ngày 18/9/2024, ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L đã tắt toán xong đối với thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/04/2021; đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày

14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019 thì ông B, bà L còn nợ số tiền là 27.331.411 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H yêu cầu ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 là 27.605.297 đồng. Trong đó: nợ gốc là 27.331.411 đồng; nợ lãi trong hạn là 63.508 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 210.378 đồng. Yêu cầu ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký. Nếu ông Bùi Quang B và bà Ngô Thị Thanh L không trả toàn bộ số nợ nói trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/4/2021 thì ông B, bà L đã thanh toán xong.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Quang B trình bày:*

Ông xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh L có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019:

- + Số tiền vay: 200.000.000 đồng

- + Lãi suất: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019.

- + Thời hạn vay: từ ngày 16/10/2019 đến ngày 16.10.2024.

- + Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình.

- Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/04/2021 thì hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 50 (Thửa 26-B2-8 cũ), tờ bản đồ số 292 (Tờ HH4 cũ), tại địa chỉ: Khu T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 455867 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 27/3/2015, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29625/19MN/HĐBĐ ngày 14/10/2019.

Tính đến ngày 09/7/2024 ông xác nhận còn nợ ngân hàng số tiền là 103.961.388 đồng. Trong đó:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019: nợ gốc là 46.635.990 đồng và nợ lãi là 3.484.001 đồng. Tổng cộng là 50.120.000 đồng.

+ Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/4/2021: nợ gốc là 30.000.000 đồng; nợ lãi là 23.841.388 đồng; Tổng cộng là 53.841.388 đồng.

Nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông xin ngân hàng gia hạn cho ông 45 ngày để ông có điều kiện tất toán khoản nợ.

** Bị đơn là bà Ngô Thị Thanh L trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L trả số tiền là 27.605.297 đồng. Trong đó: nợ gốc là 27.331.411 đồng; nợ lãi trong hạn là 63.508 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 210.378 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019. Đồng thời ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ sau thời điểm xét xử như cam kết tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông bà không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H và bị đơn ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan

hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên toà, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H yêu cầu bị đơn ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L phải có nghĩa vụ trả số tiền 27.605.297đ; trong đó nợ gốc là 27.331.411đ; nợ lãi trong hạn là 63.508đ; nợ lãi quá hạn là 210.378đ đối với Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019. Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/4/2021 thì bị đơn đã tắt toán xong nên không yêu cầu.

Xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H đồng ý cho ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng trên. Ngày 16/10/2019, ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L đã ký giấy nhận nợ và nhận số tiền trên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L liên tục đề nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần gặp gỡ, làm việc đôn đốc việc trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau khi ngân hàng khởi kiện ra Tòa án thì bị đơn đã chuyển trả tiền cho ngân hàng. Tính đến thời điểm xét xử, bị đơn đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 172.668.589đ, nhưng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được hai bên tự nguyện ký kết thì bị đơn vẫn còn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi như đã cam kết. Do vậy nguyên đơn có quyền chấm dứt hợp đồng buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh như đã cam kết. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H buộc bị đơn ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L phải có nghĩa vụ trả số tiền 27.605.297đ (*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng*); trong đó nợ gốc là 27.331.411đ; nợ lãi trong hạn là 63.508đ; nợ lãi quá hạn là 210.378đ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào thỏa thuận giữa ông Bùi Quang B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số

29625/19MN/HĐBĐ ngày 14/10/2019 thì tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: 50 (Thửa 26-B2-8 cũ), tờ bản đồ số 292 (Tờ HH4 cũ), tại địa chỉ: Khu T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 455867, số vào sổ cấp GCN: CTs 61147 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 27/3/2015). Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 17/7/2024 thì trên thửa đất nói trên có ngôi nhà cấp 4; diện tích xây dựng là: 85m². Để đảm bảo cho khoản vay nên trên thì bên vay, bên cho vay đã thực hiện đăng ký thế chấp, giao dịch đảm bảo, phù hợp theo quy định tại Điều 317, 318, 323 của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại của Hợp đồng thế chấp tài sản thì việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp, trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Quang B đề nghị ngân hàng G thời gian để ông trả nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Quang B.

[4] Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông T1, bà L1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là $27.605.297đ \times 5\% = 1.380.264$ đồng (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng*).

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H đối với bị đơn ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L.

1. Xử: Buộc ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H tổng số tiền 27.605.297đ (*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng*); trong đó nợ gốc là 27.331.411đ; nợ lãi trong hạn là 63.508đ; nợ lãi quá hạn là 210.378đ.

Kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 37274/19MN/HĐTD ngày 14/10/2019 và Khế ước nhận nợ số 37274/19MNH/HĐTD/KUNN01 ngày 16/10/2019.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L không trả được nợ vay, thì phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 50 (Thửa 26-B2-8 cũ), tờ bản đồ số 292 (Tờ HH4 cũ), tại địa chỉ: Khu T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 455867, số vào sổ cấp GCN: CTs 61147 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 27/3/2015) đứng tên ông Bùi Quang B để đảm bảo cho việc thu hồi nợ. Tài sản thế chấp có sự thay đổi theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 17/7/2024 cụ thể: Trên thửa đất nói trên có ngôi nhà cấp 4; diện tích xây dựng là: 85m².

Trong trường hợp bị đơn ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L thanh toán toàn bộ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản và các giấy tờ khác theo hợp đồng thế chấp cho ông Bùi Quang B.

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L phải chịu 1.380.264 đồng (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H số tiền tạm ứng án phí 2.425.304 đồng (*Hai triệu, bốn trăm*

hai mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0000694 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H đã nộp (đã nộp, đã chi). Ông Bùi Quang B, bà Ngô Thị Thanh L có trách nhiệm trả lại số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho Thương mại Cổ phần Phát triển Thành Phố H.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các bên đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận L;
- Lưu Hồ sơ.

Phạm Thanh Hùng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc